

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2017/HS-ST
Ngày: 20/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bế Lan Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải
2. Ông Dương Khánh Luy

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 72/2017/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/ 2017/QĐXXST- HS ngày 24/10/2017 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN H; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 18/8/1983 tại HT, MĐ, thành phố Hà Nội;

HKTT: Thôn PH, xã HT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội;

Chỗ ở: Thôn PH, xã HT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo Thiên Chúa;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9 /12 phổ thông;

Con ông: Phạm Văn Đ - Sinh năm 1958; Con bà: Nguyễn Thị T - Sinh năm 1962; Điều trú tại: Thôn PH, xã HT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội;

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình;

Vợ: Nguyễn Thị L - sinh năm 1984;

Có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng từ ngày 30 tháng 6 năm 2017; Có mặt.

Người bị hại: Nguyễn Văn H

Địa chỉ: Tổ MT, phường SB, thành phố CB; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Công H

Địa chỉ: Thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Nguyễn Văn T

Địa chỉ: Tổ HH, phường SB, thành phố CB; Vắng mặt.

3. Hà Xuân T

Địa chỉ: Tổ MB, phường HC, thành phố CB; Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Mạnh C

Địa chỉ: Thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

2. Nguyễn Văn C

Địa chỉ: Tổ ML, phường TG, thành phố CB; Vắng mặt

3. Lưu Văn B

Địa chỉ: Tổ HH, phường SB, thành phố CB; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Văn H lên Cao Bằng từ năm 2010 và đăng ký tạm trú tại tổ MB, phường NX, thành phố CB. Năm 2010 H làm công trình xây dựng tại huyện NB, tỉnh Cao Bằng và quen biết với anh Lưu Doãn L (Trú tại khu C, thị trấn NB, huyện NB, tỉnh Cao Bằng), làm nghề lái xe ô tô tải ben biển kiểm sát 11K- B913 chở vật liệu. Năm 2011 H và L đều chuyển sang huyện TN, tỉnh Cao Bằng làm công trình xây dựng khác; đến cuối tháng 5, đầu tháng 6 năm 2012 do không có nhu cầu sử dụng chiếc xe 11K- B913 nữa nên L bán xe cho Phạm Văn H với giá 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), H trả tiền cho L thành nhiều lần, đến giữa tháng 08 năm 2012 H còn nợ tiền xe anh L là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), anh L yêu cầu anh H thanh toán hết tiền xe, nhưng H chưa có tiền nên đã đến nhà Nguyễn Văn H (Trú tại Tổ MT, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) để vay mượn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) trả tiền mua xe. H không đồng ý vì trước đó H đang còn vay mượn H số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) chưa trả được, nên H nói với H là H sẽ mua lại chiếc xe ô tô 11K- B913 này, đồng thời để H thuê lại luôn, H đồng ý.

Ngày 22/8/2012 H rủ bạn là Phạm Văn N (Hiện không rõ ở đâu) cùng H đến NB làm thủ tục mua bán xe với L. H thanh toán cho L số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và đưa thêm cho H mượn số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau đó H cho H thuê lại xe ô tô biển kiểm soát 11K- B913 để chở vật liệu công trình. Sau một thời gian thuê xe, do không có tiền để trả tiền thuê xe và trả cho công nhân trong công trình, nên ngày 29/01/2013 H tự ý bán chiếc xe ô tô này cho Nguyễn Công H (Trú tại thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng) với giá 250.000.000đ, (Hai trăm năm mươi triệu đồng) mà không hỏi ý kiến của H. H trả trước 200.000.000đ (Hai Trăm triệu đồng) và thỏa thuận còn lại 50.000.000đ (Năm

mười triệu đồng) sau khi hoàn tất thủ tục sang tên đăng ký xe đứng tên Nguyễn Công H thì H trả nốt số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Sau khi có tiền, H dùng số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) trả lương cho công nhân và chi tiêu cá nhân hết. Do không có tiền để trả cho H và nhiều người khác nên H đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Sau khi biết H bán xe cho người khác, anh H đã làm đơn đề nghị Công an truy tìm lại xe và xử lý Phạm Văn H theo pháp luật. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Cao Bằng đã tiến hành thu thập tài liệu, tạm giữ chiếc xe ô tô biển kiểm soát 11K - B913 sau khi định giá đã làm thủ tục trả lại cho bị hại Nguyễn Văn H, anh H nhận lại được xe ô tô và không đề nghị, bồi thường gì thêm.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 116, ngày 07/8/2014 đối với xe ô tô nhãn hiệu ĐTC (Do Trung Quốc sản xuất), loại xe tải ben, màu sơn xanh; biển số đăng ký 11K-B913. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 30/KL-TC.KH ngày 18/8/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu ĐTC (Do Trung Quốc sản xuất), loại xe tải ben, màu sơn xanh; biển số đăng ký 11K - B913 trị giá tài sản còn lại là: 231.600.000đ (Hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra Phạm Văn H còn khai nhận: H còn được thuê chiếc xe ô tô TOYOTA-INOVA biển kiểm soát 30M - 4517 của anh Hà Xuân T (Trú tại Tổ MB, phường HC, thành phố CB). Hợp đồng thuê xe tự lái, thời gian thuê xe từ ngày 04/4/2014 đến 04/8/2014 với giá thuê xe 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng)/tháng, H thuê xe với mục đích để phục vụ việc giao dịch làm ăn, đi lại được thuận tiện.

Cuối tháng 7 năm 2017 H điều khiển xe ô tô 30M - 4517 đến ăn cơm tối tại nhà của Lưu Văn B (Trú tại Tổ HH, phường SB, thành phố CB) thì gặp anh Nguyễn Văn T (Gần nhà của Lưu Văn B), anh T có sang đòi tiền H vì trước đó H có mượn tiền với anh T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), do H chưa có tiền để trả cho T nên T yêu cầu H để lại chiếc ô tô TOYOTA - INOVA biển đăng ký 30M-4517 làm tin, rồi đưa cho H 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cùng một chiếc xe máy HONDA-AIRBLADE để H chi phí đi mượn tiền về trả cho T. H đồng ý đưa chìa khóa xe ô tô cho T cầm. Sau 02 ngày không vay mượn được tiền trả T, H quay về trả xe cho T và nói *“Em về quê vay tiền rồi lên trả anh sau”* sau khi về nhà tại thôn PH, xã HT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội, không vay được tiền. H không lên Cao Bằng nữa và có thông tin cho Hà Xuân T biết việc H đang để chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30M- 4517 tại nhà của Nguyễn Văn T, sau đó bỏ trốn vào tỉnh Quảng Bình.

Anh T làm trình báo lên Công an giải quyết, sau khi nhận đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã tạm giữ chiếc xe ô tô INOVA biển kiểm soát 30M-4517 đối với anh T, xác định chiếc xe thuộc thẩm quyền sở hữu của anh T, Cơ quan điều tra đã làm thủ tục trả lại cho anh T. Qua điều tra anh T cho biết H còn nợ là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng) tiền thuê xe, và H còn nợ anh T 35.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng). Tuy nhiên anh T và anh T không yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết.

Cơ quan cảnh sát điều tra kết luận Phạm Văn H phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, về hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô tải ben 11K-B913 của Nguyễn Văn H. Phạm Văn H không có hành vi chiếm đoạt đối với chiếc xe ô tô TOYOTA – INOVA biển số đăng ký 30M-4517 của Hà Xuân T.

Hành vi của Phạm Văn H đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tại bản cáo trạng số: 73/KSĐT - SH ngày 16/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản " theo điểm a khoản 3 Điều 140 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố.

Người bị hại Nguyễn Văn H xác nhận đã nhận lại tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu ĐTC (do Trung Quốc sản xuất), loại xe tải ben, màu sơn xanh; biển số đăng ký 11K-B913 theo biên bản trao trả tài sản ngày 27/9/2017 tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cao Bằng. Tuy xe đã cũ hơn nhiều nhưng vẫn sử dụng tốt nên anh H không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì thêm kể cả khoản tiền thuê xe theo thỏa thuận giữa anh H và bị cáo H. Do vậy hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hà Xuân T có trình báo về việc cho Phạm Văn H thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA- INOVA biển số đăng ký 30M-4517, với thời gian từ ngày 04/4/2014 đến ngày 04/8/2014, nhưng đến ngày 05/8/2014 chưa thấy H đem xe về trả. Cơ quan điều tra công an thành phố Cao Bằng đã truy tìm và tạm giữ chiếc xe ô tô INOVA biển kiểm soát 30M- 4517 đối với anh Nguyễn Văn T. Xác định chiếc xe thuộc thẩm quyền sở hữu của anh T; Cơ quan điều tra đã làm thủ tục trả lại cho anh T theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/9/2017. Qua điều tra anh T cho biết H còn nợ là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng). Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/11/2017, anh Hà Xuân T yêu cầu bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền trên. Xét yêu cầu của anh Hà Xuân T là phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử cần chấp nhận và buộc bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền thuê xe còn nợ lại của anh Hà Xuân T là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T đã được Phạm Văn H gửi lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA- INOVA biển số đăng ký 30M- 4517 để làm tin; Bị cáo H có vay tiền với anh T là 35.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng). Tại phiên tòa, anh T không yêu cầu bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền trên, nên hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Công H là người đã mua lại với bị cáo H chiếc xe ô tô nhãn hiệu ĐTC (Do Trung Quốc sản xuất), loại xe tải ben, màu sơn xanh; biển số đăng ký 11K- B913. Việc mua bán là ngay tình, anh H không biết chiếc xe đó do bị cáo H phạm tội mà có, tại phiên tòa anh H yêu cầu bị cáo H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã mua xe ô tô là 200.000.000đ (Hai trăm

triệu đồng). Xét yêu cầu của anh H là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay, anh H đã nhận được 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) do gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra. Nên buộc bị cáo cần phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho anh Nguyễn Công H là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Văn H như bản cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009); Điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2- Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH 13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH 14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH 13, luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH 13, luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; Khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 175 - Bộ luật hình sự 2015; Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; Xử phạt bị cáo Phạm Văn H mức án từ 5 đến 6 năm tù. Điều 589 – Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Bị cáo khai nhận: Lợi dụng sự tin tưởng của ông Nguyễn Văn H cho Phạm Văn H thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 11K - B913 để chở vật liệu xây dựng công trình, vì cần tiền trả lương cho nhân công và sử dụng mục đích cá nhân khác, nên Phạm Văn H đã bán chiếc xe ô tô do mình thuê sử dụng nhãn hiệu ĐTC (Do Trung Quốc sản xuất), loại xe tải ben, màu sơn xanh; biển số đăng ký 11K - B913 cho ông Nguyễn Công H với giá 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Khi H bán xe, ông H không biết, sau khi biết H bán xe

ô tô của mình ông H đã đòi H trả lại tiền bán xe, nhưng H không trả mà trốn khỏi nơi cư trú. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 30/KL-TC.KH ngày 18/8/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu ĐTC (Do Trung Quốc sản xuất), loại xe tải ben, màu sơn xanh; biển số đăng ký 11K - B913 trị giá tài sản còn lại là: 231.600.000đ (Hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của Phạm Văn H đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là người phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo. Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự là người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật và ham muốn kiếm tiền bất chính nhằm mục đích tiêu xài cá nhân, cho nên cần buộc phải cách ly bị cáo khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù tại trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

4. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản gì, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

5. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu ĐTC (Do Trung Quốc sản xuất), loại xe tải ben, màu sơn xanh; biển số đăng ký 11K – B913, ngày 24/9/2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra quyết định xử lý vật chứng số 34 và trả lại cho anh Nguyễn Văn H là chủ sở hữu hợp pháp. Anh Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản theo biên bản về việc

trao trả tài sản ngày 27/9/2017 và không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA- INOVA biển số đăng ký 30M-4517 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng xác định của Hà Xuân T. Anh Hà Xuân T đã nhận lại tài sản theo biên bản về việc trao trả tài sản ngày 27/9/2017. Nay anh Hà Xuân T yêu cầu bị cáo Phạm Văn H có trách nhiệm bồi thường số tiền thuê xe còn nợ lại là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng). Xét yêu cầu của anh Hà Xuân T là phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử cần chấp nhận và buộc bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền thuê xe còn nợ lại của anh Hà Xuân T (Địa chỉ: Tổ MB, phường HC, thành phố CB) số tiền là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng).

Đối với anh Nguyễn Công H là người đã mua lại với bị cáo H chiếc xe ô tô nhãn hiệu ĐTC (Do Trung Quốc sản xuất), loại xe tải ben, màu sơn xanh, biển số đăng ký 11K- B913. Việc mua bán là ngay tình, anh H không biết chiếc xe đó do bị cáo H phạm tội mà có, tại phiên tòa anh H yêu cầu bị cáo H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã mua xe ô tô là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Anh H đã nhận được 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) do gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra. Nay anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho anh Nguyễn Công H là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Xét yêu cầu của anh H là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận; Buộc bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Công H (Trú tại khu phố thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng) số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T đã được Phạm Văn H gửi lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA- INOVA biển số đăng ký 30M- 4517 để làm tin; Bị cáo H có vay tiền với anh T là 35.000.000đ (Ba mươi năm triệu đồng). Tại phiên tòa, anh T không yêu cầu bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm bồi thường khoản tiền trên, nên hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 140; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009); Điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 - Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH 13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH 14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13; Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH 13; Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; Khoản 3 Điều 7, Khoản 3 Điều 175 -

Bộ luật hình sự 2015; Điều 191- Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 - Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 63 (Sáu mươi ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt từ ngày bị cáo bị bắt 30/6/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền thuê xe còn nợ lại của anh Hà Xuân T (Địa chỉ: Tổ MB, phường HC, thành phố CB) số tiền là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng).

Bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Công H (Trú tại khu phố thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng) số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải bồi thường là 11.400.000 đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng). Cộng cả 2 khoản là 11.600.000đ (Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại Nguyễn Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Công H được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Xuân T, Nguyễn Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án ./.

Nơi nhân

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bế Lan Phương

